

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 9-9-2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Huệ

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 9 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương S:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị S, sinh năm 1981 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị S xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tất T.

Về con chung: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T có 03 người con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 8/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 19/9/2006. Khi ly hôn, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Tất T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung như chị S trình bày là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị S. Về con chung, khi ly hôn anh đồng ý cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tất T và yêu cầu được nuôi con chung, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Anh Nguyễn Tất T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, vụ án không thuộc trường hợp quy định Khoản 2 điều 21 của Bộ Luật tố tụng dân sự nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị S với anh Nguyễn Tất T thấy rằng: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 2002, không đăng ký kết hôn.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”

Khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”

Như vậy, Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T chung sống với nhau như vợ, như chồng vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ quan hệ giữa vợ và chồng. Do đó, cần tuyên bố chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T có 03 người con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 8/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 19/9/2006. Khi ly hôn, chị Phan Thị S

và anh Nguyễn Tất T, đã thỏa thuận giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]Về án phí: Chị Phan Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân Sự;

Áp dụng các Điều: 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T là quan hệ vợ chồng.

2-Về con chung: Ghi nhận Sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị S và anh Nguyễn Tất T về việc: Chị Phan Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí B, sinh ngày 16/12/2003, Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 8/8/2005 và Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 19/9/2006. Anh Nguyễn Tất T có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Phan Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Phan Thị S đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011918 ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân S huyện Phú Tân được chuyển thu.

Đương Sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương Sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương S;
- UBND xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Tấn

